TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** TỈNH HƯNG YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2022
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Binh và ông Vũ Quang Nguyên.

***- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Phan Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tuấn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; HKTT: đội 6, thôn Quảng Lạc, xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện nay: số nhà 13, ngách 75/14, tổ 2 phố Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn*:** Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1970;

HKTT: Đội 6 thôn Quảng Lạc, xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Cháu Trần Văn Kh, sinh ngày 02/10/2004.

HKTT: Đội 6 thôn Quảng Lạc, xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. *Có mặt.*

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Kh: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Đ (là cha mẹ đẻ của cháu Kh).

+ Cháu Trần Như Q, sinh ngày 03/10/2018.

Nơi cư trú: số nhà 13, ngách 75/14, tổ 2 phố Vĩnh Phúc, phường Vĩnh

Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Q: Chị Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ của cháu Q).

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*** Ông Trần Văn H, sinh năm 1977 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Văn phòng Luật sư Song Trần, số 137, phố Đốc Ngữ, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự và quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn Đ, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Thịnh ngày 21/4/1999. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chị dọn ngay về nhà anh Đ ở thôn thôn Quảng Lạc, xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tình cảm, mỗi người một ý, không ai chịu nhường nhịn ai nên dẫn tới cãi vã. Thậm chí, vợ chồng còn xảy ra xô xát khiến không khí trong gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Do không chịu được áp lực nên năm 2018, chị ra thành phố Hà Nội thuê nhà ở riêng tại số nhà 13, ngách 75/14 tổ 2, phố Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội để làm ăn, sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ khi sống ly thân, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, kinh tế hoàn toàn độc lập. Tại thời điểm đó, do thiếu thốn tình cảm nên chị đã lỡ một lần quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến có thai. Chị đã về nói chuyện với anh Đ nhưng anh kiên quyết không chấp nhận.Chị vẫn giữ lại thai nhi và sinh cháu Trần Như Q. Nay chị xác định vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nên chị không còn tình cảm với anh Đ và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để sớm ổn định cuộc sống.

Bị đơn anh Trần Văn Đ có quan điểm thống nhất với chị H về thời điểm kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc và thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo anh Đ xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị H tự ý bỏ nhà đi và có phát sinh quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến có thai. Anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng vì chị H có con với người khác nên không muốn đoàn tụ. Nay anh xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018, không ai quan tâm đến ai. Quá trình tòa án giải quyết, anh Đ chỉ Đ ý ly hôn với chị H với điều kiện chị H phải cùng anh trả hết nợ hoặc nếu chị H không trả nợ thì sẽ không được yêu cầu bất cứ điều gì về tài sản chung vợ chồng, toàn bộ tài sản sẽ để lại cho hai con là cháu Khôi và cháu Kh.

Về con chung: Anh, chị đều xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Nguyên Khôi, sinh ngày 17/3/2002 và cháu Trần Văn Kh, sinh ngày 02/10/2004. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh Đ. Cháu Khôi hiện đã

thành niên. Đối với cháu Kh, anh, chị thỏa thuận khi vợ chồng ly hôn giao cháu Kh cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Kh thành niên. Do ban đầu anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên chị H nhất trí. Tại phiên tòa, chị H có quan điểm tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000 Đ/tháng.

Đối với cháu Trần Như Q, sinh ngày 03/10/2018, anh chị đều xác định không phải là con chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tại quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 10/2022/QĐST-VDS ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên đã xác định anh Trần Văn Đ không phải là cha đẻ của cháu Trần Như Q.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruông canh tác: Ban đầu, chị H có yêu cầu đề nghị tòa án giải quyết, phân chia tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn xin rút yêu cầu về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn Đ không yêu cầu Toa án giải quyết về tài sản chung, công nợ, công sức, ruông canh tác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trần Văn Kh trình bày: Quá trình bố mẹ chung sống có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng. Mẹ bỏ đi từ lâu và có con với người đàn ông khác nên không quay về đoàn tụ. Cháu Kh đề nghị được ở với bố.

Xác minh tại UBND xã Phú Thịnh được biết: Chị H và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã ngày 21/9/1999. Sau khi được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chị H về gia đình anh Đ sinh sống. Quá trình sinh sống địa phương được biết anh, chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng không biết nguyên nhân cụ thể. Nay chị H có đơn xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do các đương sự không thống nhất được với nhau về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên ngày 04/5/2022, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 11/5/2022, anh Đ có đơn đề nghị TAND huyện Kim Động chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vì lý do anh Đ đăng ký tạm trú tại thôn Hưng Phát, xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa từ ngày 11/5/2022.

Ngày 12/5/2022, TAND huyện Kim Động có công văn số 01/CV – TA, không chấp nhận yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án đến TAND huyện Hà Trung của anh Đ.

Tại phiên toà, chị H giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ để chị sớm ổn định cuộc sống. Chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung, công nợ vợ chồng. Anh Đ xác định không còn tình cảm với chị H nhưng chỉ Đ ý ly hôn với chị H với điều kiện chị H phải cùng anh trả hết nợ hoặc nếu chị H không trả nợ thì sẽ không được yêu cầu bất cứ điều gì về tài sản chung vợ chồng, toàn bộ tài sản sẽ để lại cho hai con là cháu Khôi và cháu Kh. Anh Đ xác định thời gian trước đây khi vợ chồng chưa sống ly thân thì anh cũng thường xuyên đi làm xa, ở nhà chỉ có chị H và

các con. Anh cũng chỉ còn một chút tình cảm với chị H nhưng không muốn ly hôn vì chưa giải quyết xong các vấn đề về tài sản, công nợ với chị H và cũng muốn giữ thể diện cho các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội Đ xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung của vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Trần Nguyên Khôi, sinh ngày 17/3/2002 và cháu Trần Văn Kh, sinh ngày 02/10/2004. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh Đ. Cháu Khôi hiện đã thành niên nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Kh, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Đ, chị H: khi vợ chồng ly hôn giao cháu Trần Văn Kh cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Kh thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ 1.000.000 Đ/tháng

Đối với cháu Trần Như Q, sinh ngày 03/10/2018 đã được xác định là con riêng của chị H, không phải con chung của vợ chồng nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

- Về tài sản: Ban đầu khi khởi kiện, chị H có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Anh Đ không yêu cầu phân chia tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H rút một phần yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung nên đề nghị HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên của chị H.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại đội 6 thôn Quảng Lạc, xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kim Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Thịnh ngày 21/4/1999 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, năm 2018, anh, chị phát sinh mâu thuẫn do bất Đ trong quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát.

Mặt khác, do anh Đ thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên vợ chồng đều thiếu thốn tình cảm. Khoảng năm 2018, chị H đã bỏ đi thuê nhà ở riêng tại số nhà 13, ngách 75/14 tổ 2, phố Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và sống ly thân với anh Đ từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị H xác định không còn tình cảm với anh Đ và cương quyết ly hôn. Anh Đ cũng xác định không còn tình cảm với chị H, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng nhưng lại có quan điểm chỉ Đ ý ly hôn khi vợ chồng cùng thỏa thuận hết các vấn đề vướng mắc về tài sản chung, công nợ và đợi đến khi các con chung trưởng thành. Xét lý do anh Đ đưa ra để không Đ ý ly hôn chỉ nhằm gây sức ép, cố tình cản trở việc thực hiện quyền ly hôn của chị H mà không xuất phát từ tình cảm vợ chồng và mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với chị H. Hội Đ xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3]. Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Trần Nguyên Khôi, sinh ngày 17/3/2002 và cháu Trần Văn Kh, sinh ngày 02/10/2004. Cháu Khôi đã thành niên, tự lập, anh chị không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Kh, tại phiên tòa anh chị thống nhất thỏa thuận anh Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kh đến khi thành niên, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn 1.000.000 Đ/tháng cho đến khi cháu Kh thành niên. Cháu Kh có nguyện vọng được tiếp tục sống với bố. Xét sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của con chưa thành niên nên được chấp nhận.

Đối với cháu Trần Như Q, tại quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 10/2022/QĐST-VDS ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên đã xác định anh Trần Văn Đ không phải là cha đẻ của cháu Trần Như Q nên không phải con chung của vợ chồng.

[4]. Về tài sản, công sức, công nợ: Tại đơn khởi kiện ban đầu, chị H đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ. Anh Đ không có yêu cầu tòa án giải quyết, phân chia tài sản chung. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị H là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn của chị H.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Hoàn trả chị H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp tại Chi cục THADS huyện Kim Động.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều

227, Điều 228; khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội:

2. Xử:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Đ được ly hôn.

2.2.Về con chung: Giao cháu Trần Văn Kh, sinh ngày 02/10/2004 cho anh Trần Văn Đ được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng cho cháu Trần Văn Kh số tiền 1.000.000 Đ/tháng kể từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu Kh thành niên đủ 18 tuổi. Chị H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Không xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này. Chị H được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án chia tài sản sau khi ly hôn bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

2.4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 Đ án phí sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả chị H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung. Chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự là 12.000.000 Đ theo biên lai số 0002546 ngày 8 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Đối trừ, chị H được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 11.700.000 Đ.

2.5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-Chi cục THADS huyện Kim Động
-UBND xã PT (GCNKH ngày 21/4/1999);
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T/M HỘI Đ XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương

8

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T/M HỘI Đ XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã Thụy Lôi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA